

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **13/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 21 - 01 - 2025.

V/v: “Tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Huỳnh Kim Yến**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Hà Thị Thủy**

2. Ông Trương Hoài Khanh

- Thư ký phiên tòa: **Bà Võ Thị Hồng Diễm** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2024/QĐXX-ST ngày 29 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2024/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2024 và Thông báo mở phiên tòa số: 01/2025/TB-TA ngày 02 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Bà Trương Thị Phương M**, sinh năm 1976 (*Có mặt*)

Địa chỉ đăng ký thường trú: Số 12 đường T, phường V, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện tại: A8 Căn 27 đường K, phường T, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: **Ông Nguyễn Trường G**, sinh năm 1976 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Số 526C đường K, phường H, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trương Thị Phương M trình bày:**

Bà và chồng là ông Nguyễn Trường G tự quen biết tìm hiểu yêu thương nhau và tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 1996, sau đó có đăng ký kết hôn theo

quy định pháp luật, đã được UBND phường V, thành phố G, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 02/11/1996.

Quá trình chung sống giữa vợ chồng bà phát sinh nhiều bất đồng, mâu thuẫn do không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, thường hay cãi nhau một phần là về vấn đề kinh tế gia đình, ông G không quan tâm gia đình mà thường xuyên tụ tập bạn bè ăn nhậu; ngoài ra ông G còn có người phụ nữ khác bên ngoài; từ những nguyên nhân đó đã dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, vợ chồng bà đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2024 cho đến nay, mỗi người ở một nơi không còn quan tâm đến đời sống của nhau nữa.

Nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống cùng nhau nên bà M làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Bà M yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Trường G.
- Về con chung: Bà M xác định bà và ông G có 02 (hai) người con chung tên Nguyễn Nhật Trường H- sinh ngày 26/02/1997 và Nguyễn Phương Khánh N- sinh ngày 17/3/2003 đều đã trưởng thành, nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung: Bà M xác định tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Bà M xác định không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà M xác định giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông G và giữ nguyên lời trình bày về quan hệ con chung, về tài sản chung; riêng về phần nợ chung của vợ chồng đối với ông Võ Hoàng S đã được giải quyết xong theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự số: 114/2024/QĐST-DS ngày 23/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, đến thời điểm hiện tại vợ chồng không còn khoản nợ chung nào khác.

*** Đối với bị đơn ông Nguyễn Trường G:** Tòa án đã tiến hành xác minh thông tin địa chỉ cư trú của ông G, tổng đạt trực tiếp và niêm yết các văn bản tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến nay theo quy định pháp luật; tuy nhiên ông G không có mặt và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, ông G đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá phát biểu quan điểm:**

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Diễn biến tại phiên tòa Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục theo luật định; về những người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn

bản quy phạm pháp luật có liên quan về quyền và nghĩa vụ của đương sự, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Phương M về tranh chấp xin ly hôn là có cơ sở để chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Trương Thị Phương M khởi kiện xin ly hôn với ông Nguyễn Trường G; địa chỉ cư trú tại: Số 526C đường K, phường H, thành phố G, tỉnh Kiên Giang. Do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp ly hôn" và theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Ông Nguyễn Trường G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, bà M đồng ý xét xử vắng mặt ông G theo quy định pháp luật; do đó Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt ông Nguyễn Trường G.

[3] Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Trương Thị Phương M và ông Nguyễn Trường G, Hội đồng xét xử nhận định:

Bà M và ông G kết hôn, chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, hai bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, đã được Ủy ban nhân dân phường V, thành phố G, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 02/11/1996, nên theo quy định pháp luật đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Trương Thị Phương M, Hội đồng xét xử nhận định:

Quá trình chung sống giữa vợ chồng bà M và ông G phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn; nguyên nhân theo bà M xác định do bất đồng quan điểm sống, thường phát sinh cãi vã về vấn đề kinh tế gia đình và vấn đề tình cảm, bà M cho rằng ông G không quan tâm đến gia đình và không chung thủy, phát sinh quan hệ ngoài hôn nhân với người phụ nữ khác, từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng thêm, ông bà đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2024 cho đến nay, hiện tại mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm và dành tình cảm cho nhau nữa. Tại phiên tòa, bà M xác định mâu thuẫn không thể hàn gắn, không còn tình cảm do đó bà vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông G.

Căn cứ Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự về nghĩa vụ chứng minh của đương sự, phía ông Nguyễn Trường G đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, tuy nhiên ông G không có mặt theo thông báo, giấy triệu tập của Tòa án và không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà M hoặc phản đối lời trình bày của bà M cũng như các chứng cứ do bà M cung cấp để làm cơ sở giải quyết vụ án, xem xét bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho ông.

Theo quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình thì quan hệ vợ chồng phải dựa trên cơ sở tự nguyện, tiến bộ; vợ chồng phải có nghĩa vụ quan tâm, yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ nhau để cùng nhau xây dựng mái ấm gia đình bền vững, hạnh phúc. Tuy nhiên, qua xem xét, đánh giá Hội đồng xét xử nhận định quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông G đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, ông G cũng không có mặt tại Tòa án và không trình bày ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà M, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng; từ đó xét thấy giữa bà M và ông G đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà M là có căn cứ; sau khi nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M, xử cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Trường G.

[5] Về quan hệ con chung: Bà M và ông G chung sống có 02 (hai) người con chung tên Nguyễn Nhật Trường H- sinh ngày 26/02/1997 và Nguyễn Phương Khánh N- sinh ngày 17/3/2003. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà M xác định hai người con chung đều đã trưởng thành, bà không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Bà M xác định bà tự thỏa thuận vấn đề tài sản chung với ông G, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Bà M xác định nợ chung của vợ chồng bà với ông Võ Hoàng S đã giải quyết xong theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 114/2024/QĐST-DS ngày 23/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, ngoài ra vợ chồng bà không còn khoản nợ chung nào khác nên không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Do ông Nguyễn Trường G không có lời khai tại Tòa án và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nếu sau này ông G có yêu cầu về quan hệ con chung, về chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện độc lập.

[9] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Trương Thị Phương M phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, 147, 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trương Thị Phương M và ông Nguyễn Trường G.

2. Về quan hệ con chung: Bà M xác định bà và ông G có 02 (hai) người con chung tên Nguyễn Nhật Trường H- sinh ngày 26/02/1997 và Nguyễn Phương Khánh N- sinh ngày 17/3/2003, đều đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà M xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà M xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn bà Trương Thị Phương M phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) bà M đã nộp, theo biên lai thu tiền số 0006008 ngày 19/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 21/01/2025). Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự Tp. Rạch Giá;
- Cơ quan đã thực hiện ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Huỳnh Kim Yến

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Hoài Khanh

Hà Thị Thủy

Huỳnh Kim Yên